



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 22/2024

(28/05/2024 - 03/06/2024)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI tăng nhẹ 11 điểm, hiện ghi nhận ở mức 1.808 điểm. Tổng quan thị trường ổn định là nhờ chỉ số thuê tàu Capesize duy trì trạng thái khỏe mạnh, song chỉ số thuê 2 phân khúc cận kề là Panamax và Supramax vẫn xuôi theo đà giảm liên tục từ sau ngày 13/5 đến nay (trung bình đã giảm lần lượt 16,6% và 14,3%). Không có quá nhiều giao dịch được ghi nhận trong tuần qua. Ngoài ra, sự kiện Triển lãm Hàng hải Quốc tế Posidonia 2024 (diễn ra mỗi 2 năm/lần) đang được tổ chức ở Athens Metropolitan Expo, Hy Lạp từ ngày 3-7/6/2024. Đây được nhận định là sự kiện lớn nhất trong vòng 60 năm trở lại đây, là nơi kết nối các chủ tàu, công ty môi giới, nhà cung cấp trang thiết bị hàng hải, v/v... trên khắp thế giới. Ở phân khúc Handysize, chủ tàu Hy Lạp chốt tàu **Aktea R** (28.372 dwt, đóng 2010 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD/SS 03/2025) cho Người mua Trung Quốc với giá khoảng 10,95 triệu đô la Mỹ, giao ở khu vực Địa Trung Hải. Giá bán tàu **Aktea R** sẽ thiết lập cơ sở tham chiếu mới cho các tàu 28k dwt xung quanh 15 tuổi đóng Nhật trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, so với tuần trước, chỉ số thuê tàu BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tăng nhẹ 6 điểm và BCTI (Baltic Clean Tanker Index) tiếp tục giảm 27 điểm. Đóng góp nhiều nhất tuần qua thuộc về phân khúc MR với 4/7 giao dịch mua bán thành công. Một chủ tàu Hy Lạp vừa bán tàu chemical **Gunmental Jack** (49.999 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, vừa qua đà DD/SS 5/2024) với giá khoảng 27,5 triệu đô la Mỹ. Trước đó, tàu **Adamas I** (50.122 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, đang chuyển sang đăng kiểm IACS khác) về tay Người mua Thổ Nhĩ Kỳ với giá tương tự. Như vậy giá tàu **Gunmental Jack** và **Adamas I** vẫn duy trì mức tham chiếu cho các tàu chemical 50k dwt, 15 tuổi đóng Hàn Quốc (tăng trung bình 5-10% so với giao dịch tương tự vào tháng 10-11/2023). Tàu chemical nhỏ hơn **Stolt Sisto** (46.011 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD/SS 2/2025) được chủ tàu Hà Lan Stolt Tankers bán với giá khoảng 28,5 triệu đô la Mỹ. Cách đây 2 tháng, chủ tàu này cũng “tạm biệt” tàu chị em **Stolt Facto** (46.105 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD/SS 3/2025) ở mức mềm hơn một chút, khoảng 28 triệu đô la Mỹ. Đối với phân khúc J19, đầu tháng 5 có thông tin chủ tàu Mỹ TRF đang đàm phán tàu **TRF Kashima** (19.997 dwt, đóng 2015, DD/SS 11/2025) và đến nay đã bán thành công. Tuy mức giá chưa được tiết lộ, song có thể tham chiếu đến tàu tương tự trẻ hơn một tuổi **TRF Kirkenes** (19.997 dwt, đóng 2016 Nhật, DD 12/2025, SS 2/2026) được cùng chủ tàu chốt đầu tháng 5 giá khoảng 32,5 triệu đô la Mỹ. Hai tàu trên đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn và máy lọc khí (scrubber).

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Eastern Windflower	2010	China	175,401	28.00	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 06/2025
Van Gogh	2013	Japan	95,711	25.00	Greek	BWTS fitted, DD/SS 11/2025
Seacon 8	2012	China	57,000	14.13	Chinese	Auction sale, DD 01/2025, SS 03/2027, Chinese owners
Aktea R	2010	Japan	28,372	10.95	Chinese	BWTS fitted, log-fitted, DD/SS 03/2025
Permata	2012	Japan	12,255	8.50	Undisclosed	BWTS fitted, 66 teu, tween decker, DD 03/2025, SS 05/2027, Japanese owners
TANKERS						
Seoul Spirit	2005	Korea	159,966	34.50	Undisclosed	DD/SS 10/2025
Alhena	2012	China	52,420	31.50	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 08/2025, SS 05/2027, Greek owners
Adamas I	2009	Korea	50,122	27.50	Turkish	Old sale, BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS withdrawn 05/2026 (transferring to another IACS class) Greek owners
Gunmental Jack	2009	Korea	49,999	27.50	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS freshly passed 05/2024, Greek owners
Stolt Sisto	2010	Korea	46,011	28.50	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, zinc silicate, DD/SS 02/2025
MTM Antwerp	2004	Japan	20,704	15.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS freshly passed 05/2024, next DD 05/2027, SS 05/2029, Singaporean owners
TRF Kashima	2015	Japan	19,997	Undisclosed	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 11/2025

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	05/ 2024	1M	3M	6M	12M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	76.50	1%	3%	14%	14%	56.25
180k dwt	5 tuổi	63.00	1%	9%	25%	15%	40.00
170k dwt	10 tuổi	44.50	0%	19%	44%	33%	28.25
150k dwt	15 tuổi	29.00	0%	16%	38%	35%	18.00

PANAMAX

82k dwt	Resale	43.00	0%	6%	9%	5%	35.25
82k dwt	5 tuổi	38.00	3%	9%	15%	10%	28.50
76k dwt	10 tuổi	29.00	2%	9%	21%	14%	19.50
74k dwt	15 tuổi	19.00	0%	15%	19%	9%	13.25

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	41.50	0%	6%	11%	5%	33.00
58k dwt	5 tuổi	36.00	4%	9%	18%	13%	23.50
56k dwt	10 tuổi	27.50	2%	8%	38%	25%	17.25
52k dwt	15 tuổi	16.50	0%	6%	16%	3%	12.00

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	34.50	0%	1%	3%	5%	27.25
37k dwt	5 tuổi	28.00	2%	2%	6%	4%	21.00
32k dwt	10 tuổi	20.50	0%	8%	17%	5%	14.00
28k dwt	15 tuổi	13.00	4%	4%	18%	0%	8.75

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	05/ 2024	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	144.50	1%	4%	14%	15%	104.25
310k dwt	5 tuổi	114.50	2%	6%	16%	14%	78.50
250k dwt	10 tuổi	84.50	0%	6%	13%	10%	55.00
250k dwt	15 tuổi	57.50	0%	2%	2%	-5%	39.25

SUEZMAX

160k dwt	Resale	98.50	0%	0%	3%	12%	72.50
150k dwt	5 tuổi	82.50	0%	0%	5%	14%	55.00
150k dwt	10 tuổi	67.50	0%	1%	10%	17%	39.50
150k dwt	15 tuổi	47.00	0%	4%	15%	21%	24.75

AFRAMAX

110k dwt	Resale	84.50	0%	2%	2%	6%	59.75
110k dwt	5 tuổi	72.00	0%	0%	1%	13%	45.50
105k dwt	10 tuổi	59.50	0%	3%	7%	13%	32.75
105k dwt	15 tuổi	40.00	0%	5%	11%	8%	21.00

MR

52k dwt	Resale	53.50	0%	0%	3%	5%	41.75
52k dwt	5 tuổi	45.50	0%	0%	3%	7%	32.50
45k dwt	10 tuổi	37.50	0%	0%	12%	9%	22.75
45k dwt	15 tuổi	26.50	0%	0%	8%	8%	14.75

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	05/ 2024	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	70.0	1.45%	4.48%	7.69%	11.11%
Panamax (77.000 dwt)	42.5	0.00%	1.19%	3.66%	8.97%
Supramax (61.000 dwt)	38.5	0.00%	1.32%	4.05%	8.45%
Handysize (37.000 dwt)	34.5	0.00%	1.47%	4.55%	9.52%

Giá trị tàu dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	05/ 2024	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	129.0	0.00%	0.39%	0.78%	3.20%
Suezmax (170.000 dwt)	86.5	0.00%	0.58%	1.17%	1.76%
A.max (115.000 dwt)	70.0	0.00%	0.72%	1.45%	3.70%
MR (56.000 dwt)	48.0	0.00%	1.05%	1.05%	2.13%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường tàu **Ultramax** và **Supramax** vẫn đang xuống dốc do tình trạng cung vượt cầu ở khu vực Đại Tây Dương đang gây áp lực lên giá thuê tàu. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 14.060 đô la Mỹ, giảm 530 đô la Mỹ so với mức 14.590 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, Clipper chốt tàu **African Arrow** (61.285 dwt, đóng 2015) chở thép đi ngay ở Onsan đến Bồ Tây Trung Mỹ với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ, Raffles chốt tàu **Somnath** (55.707 dwt, đóng 2005) giao ở Cambodia (03/06) đi qua Tarahan, Indonesia và về lại Cambodia với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu **Kiran Adriatic** (63.477 dwt, đóng 2014) được chốt đi từ Port Elizabeth đến Trung Quốc với giá khoảng 21.000 đô la Mỹ cộng thêm 210.000 đô la Mỹ chi phí ballast, Drydel chốt tàu **Great Rainbow** (63.464 dwt, đóng 2015) đi từ Vịnh Richards (08-10/06) đến Trung Quốc với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ cộng thêm 210.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Phía Đại Tây Dương, NMC chốt tàu giao ngay **Venture** (61.272 dwt, đóng 2016) đi từ Recalada chở nông sản đến Tây Phi với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ, tàu **Kristinita** (58.105 dwt, đóng 2011) được chốt đi ngay từ Iskenderun đến Continent với giá khoảng 11.750 đô la Mỹ.





Thị trường **Handy** tuần qua chia hai thái cực giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.966 đô la Mỹ, tăng 586 đô la Mỹ so với mức 12.380 đô la Mỹ của tuần trước.

Cả hai khu vực Continent và Địa Trung Hải đều gặp khó khăn. Việc thiếu hụt nhu cầu thuê tàu mới và số lượng tàu neo chờ tăng đáng kể đã ép cước xuống mức thấp hơn, chỉ còn khoảng dưới 10.000 đô la Mỹ. Các chuyến Địa Trung Hải đến Continent và ngược lại hiện có giá khoảng 8.000-8.300 đô la Mỹ đối với các tàu khoảng 32.000 dwt. Ở Nam Đại Tây Dương, sau một giai đoạn tích cực, cước dường như đã đạt mức trần. Các hoạt động vận tải giảm và cách nhìn nhận thị trường từ phía người thuê tàu thay đổi, dẫn đến việc siết chặt cước hơn. Một số người thuê đang tạm hoãn việc thuê và có thể cước sẽ được điều chỉnh trong tuần tới. Tuy nhiên, Nam Brazil vẫn là khu vực hoạt động mạnh nhất ở Đại Tây Dương, có tin một tàu khoảng 38.000 đô la Mỹ được chốt chỗ hàng rời từ Recalada và trả tàu ở Tây Địa Trung Hải với giá khoảng 18.000-19.000 đô la Mỹ. Ở Vịnh Hoa Kỳ và Bờ Đông, nguồn cung hàng hoá đang hạn chế và dự kiến cước sẽ giảm thêm. Ở Thái Bình Dương, Tình hình thị trường tích cực đối với tàu ở Đông Nam Á do nguồn cung hàng hóa được cho là vẫn dồi dào. Trafigura chốt tàu **Sea Hawk** (37.163 dwt, đóng 2017) neo ở Manzanillo và trả tàu ở khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 14.000-17.000 đô la Mỹ, có tin tàu **Stellar Rioni** (38.230 dwt, đóng 2017) neo ở Chile cũng được Norvic chốt chuyển tương tự với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Thiếu tàu đi ngay ở Đông Nam Á và Indonesia khiến cước ở Đông Nam Á tiếp và một số khu vực Nam Trung Quốc tiếp tục tăng. Một tàu khoảng 33.000 dwt đi qua Singapore, có tin được chốt đến Malaysia với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 34.000 đô la Mỹ neo ở Malaysia, có tin tàu này được chốt với giá khoảng 13.500 đô la Mỹ cho chuyến đi đến Philippines. Nguồn cung hàng ở Bắc Trung Quốc-Nhật Bản và Tây Bắc Thái Bình Dương vẫn đang tăng. Tuy nhiên, có khá ít tàu có thể đi ngay vào tháng sáu ở Viễn Đông, điều này làm tăng sự cạnh tranh giữa những người thuê. Có tin một tàu khoảng 34.000 dwt được Dampier chốt đi từ CJK chở muối đến Đài Loan với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ. Thêm tin một tàu khoảng 32.000 dwt chuyên chở gỗ neo ở Nam Trung Quốc được chốt hai chuyến hàng với giá khoảng 13.500 đô la Mỹ.

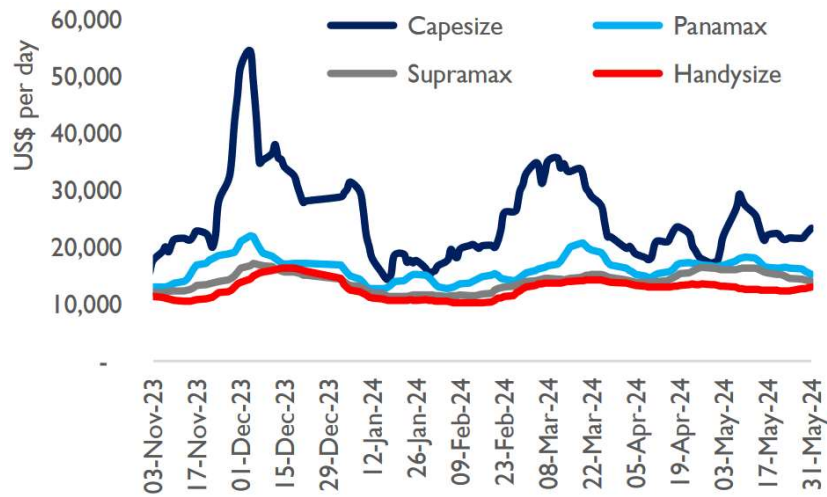
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 22/2024 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 22/2024	TUẦN 21/2024	Mức thấp nhất năm 2024 (cập nhật tới Tuần 22)	Mức cao nhất năm 2024 (cập nhật tới Tuần 22)
TRANSATLANTIC RV	11,750	13,225	11,750	19,510
TCT CONT/F.EAST	25,148	26,045	22,341	31,123
TCT F.EAST/CONT	7,389	7,412	4,910	8,738
TCT F.EAST RV	17,378	17,308	10,271	19,016
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	11,400	11,364	11,364	20,071
PACIFIC RV	14,088	14,388	8,625	15,656
TCT CONT/F.EAST	21,796	22,692	20,958	27,579

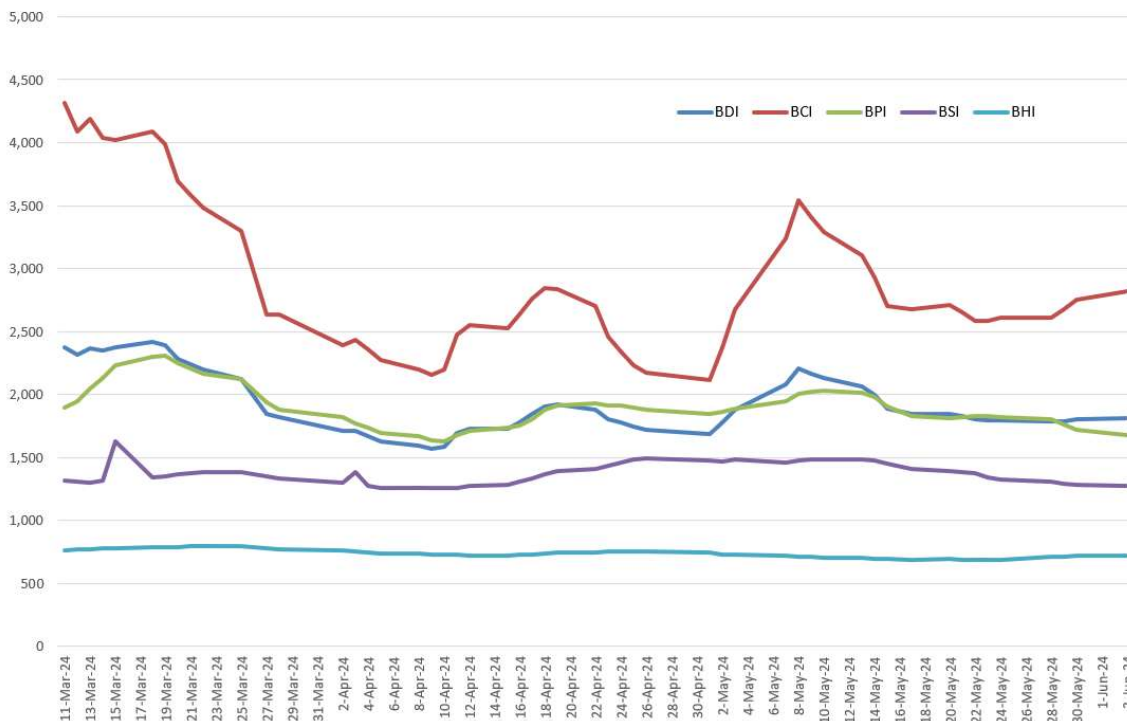
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 03/06/2024

	US\$/ngày		
SUPRAMAX	14,060		586
HANDIES 38K	12,966		506

(so sánh với giá trị ngày 27/05/2024)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 7/2024 ở mức 74,05 đô la Mỹ/thùng, giảm 0,17 đô la Mỹ trong phiên và giảm 3,25 đô la Mỹ/thùng so với cùng thời điểm phiên trước đó. Giá dầu Brent giao tháng 8/2024 đứng ở mức 78,12 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,24 đô la Mỹ trong phiên và tăng 3,24 đô la Mỹ/thùng so với cùng thời điểm ngày trước. Theo phân tích, giá dầu giảm xuống mức thấp nhất trong gần 4 tháng do các nhà đầu tư lo ngại rằng quyết định cắt giảm sản lượng của OPEC+ có thể ảnh hưởng tới nguồn cung dầu vào cuối năm trong khi tăng trưởng nhu cầu đã chậm lại. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh (OPEC+) hôm 2/6 đã đồng ý gia hạn hầu hết các đợt cắt giảm sản lượng dầu sang năm 2025 và kéo dài mức cắt giảm tự nguyện 2,2 triệu thùng/ngày của 8 thành viên trong nhóm thêm 3 tháng cho đến cuối tháng 9/2024. OPEC+ sẽ dần dỡ bỏ ràng buộc cắt giảm tự nguyện của 8 thành viên kể từ tháng 10.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p>Phân khúc tàu VLCC</p>	<p>Thị trường tàu VLCC tại Trung Đông tiếp tục xu hướng giảm nhiệt. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc giảm khoảng 10 điểm, xuống mức WS 58 – tương đương với khoảng 35.250 đô la Mỹ/ngày. Bên cạnh đó, cước tại khu vực Đại Tây Dương cũng có phần dịu xuống. Đơn cử, cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc giảm khoảng 8 điểm so với tuần trước đó, và hiện đang ở mức WS 62-64. Tại khu vực UKC, thị trường có phần bận rộn vào thời điểm giữa tuần, song nguồn cung tàu đang ở mức cao khiến cho các chủ tàu gặp nhiều sức ép trong quá trình ký kết giao dịch.</p> <table border="1" data-bbox="521 499 1451 779"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Trung Quốc</td> <td>47.230</td> <td>35.250</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> <tr> <td>USG/Trung Quốc</td> <td>50.080</td> <td>45.440</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Trung Quốc	47.230	35.250	↓	USG/Trung Quốc	50.080	45.440	↓				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Trung Quốc	47.230	35.250	↓														
USG/Trung Quốc	50.080	45.440	↓														
<p>Phân khúc tàu Suezmax</p>	<p>Nhìn chung, hoạt động của phân khúc tàu Suezmax trong tuần vừa qua không có quá nhiều điểm nổi bật so với tuần trước đó. Theo ghi nhận, nguồn cung tàu tại khu vực Tây Phi đang được thắt chặt giúp cho cước trên tuyến WAF/UKC tiếp tục ổn định quanh mức 46.800 đô la Mỹ/ngày. Tuy nhiên, thị trường USG suy yếu đã khiến cho nhiều tàu chạy ballast tới Tây Phi từ khu vực UKC hay Gibraltar. Cước tuyến Trung Đông/Địa Trung Hải đang được ký kết quanh mức WS 97.</p> <table border="1" data-bbox="521 1058 1414 1310"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tây Phi / Cont</td> <td>43.950</td> <td>46.840</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> <tr> <td>Biển Đen/ Địa Trung Hải</td> <td>50.320</td> <td>50.730</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Tây Phi / Cont	43.950	46.840	↑	Biển Đen/ Địa Trung Hải	50.320	50.730	↑				
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Tây Phi / Cont	43.950	46.840	↑														
Biển Đen/ Địa Trung Hải	50.320	50.730	↑														
<p>Phân khúc tàu Aframax</p>	<p>Theo ghi nhận, các giao dịch tại khu vực Địa Trung Hải tiếp tục xu hướng tăng trong tuần vừa qua. Tuy nhiên, đà tăng có vẻ chững lại từ khoảng thứ năm và cước trung bình trên tuyến x-Med được ký kết quanh mức WS 235. Tại khu vực Biển Bắc, xu hướng thị trường ổn định với nguồn cung tàu khá cân bằng trên thị trường.</p> <table border="1" data-bbox="521 1551 1393 1850"> <thead> <tr> <th>Tuyến</th> <th>Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)</th> <th>Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)</th> <th>Xu hướng so với tuần trước</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trung Đông/ Singapore</td> <td>50.110</td> <td>50.090</td> <td style="text-align: center;">↓</td> </tr> <tr> <td>Caribs/USG</td> <td>26.660</td> <td>34.500</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> <tr> <td>Châu Á/Úc</td> <td>42.360</td> <td>43.380</td> <td style="text-align: center;">↑</td> </tr> </tbody> </table>	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước	Trung Đông/ Singapore	50.110	50.090	↓	Caribs/USG	26.660	34.500	↑	Châu Á/Úc	42.360	43.380	↑
Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước														
Trung Đông/ Singapore	50.110	50.090	↓														
Caribs/USG	26.660	34.500	↑														
Châu Á/Úc	42.360	43.380	↑														

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

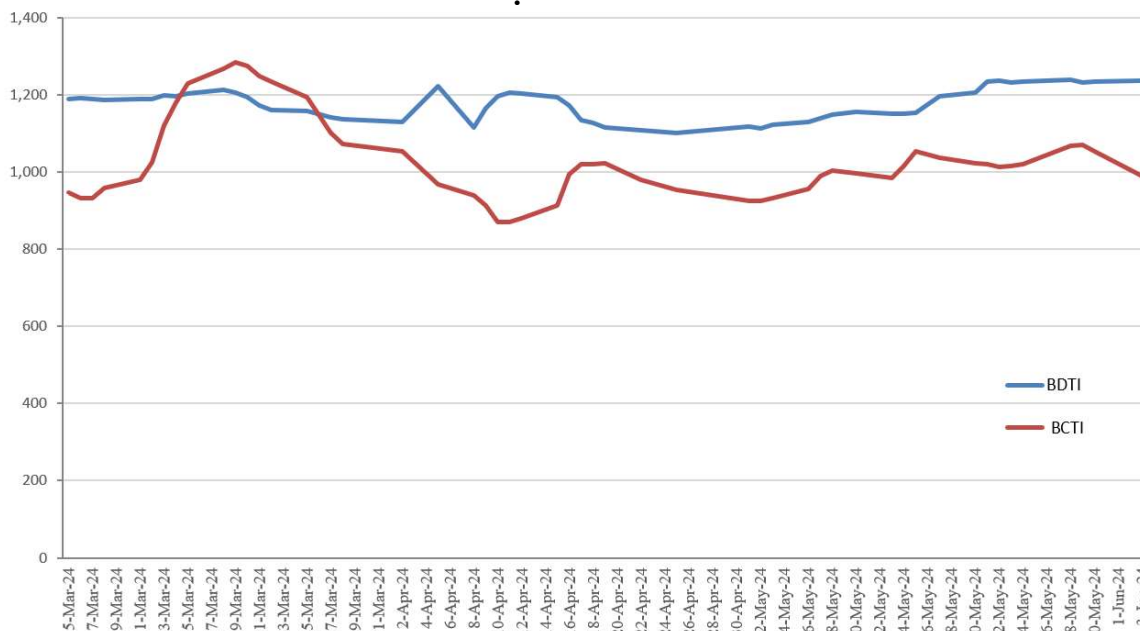
Đối với phân khúc **tàu MR**: Thị trường tàu MR tại khu vực Đông Nam Á tiếp tục diễn ra sôi động trong tuần vừa qua với sự hỗ trợ tuyệt đối từ khu vực Trung Đông. Nguồn cung tàu tại khu vực dường như đã được ký kết cho đến giữa tháng sáu. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Sing/Đông Úc tăng khoảng 5 điểm so với tuần trước đó, và hiện đang ở mức WS 315 - tương đương với khoảng 40.130 đô la Mỹ/ngày. Tuy nhiên, có nhiều lo ngại cho rằng, nguồn cung hàng hóa tại khu vực Trung Đông có phần dẹt đi và nguồn cung tàu có dấu hiệu tăng, song vào thời điểm hiện tại, các chủ tàu có cơ sở để tin rằng cước sẽ tiếp tục ổn định trong tuần tới. Bên cạnh đó, cước trên tuyến Cont/USAC tăng khoảng 10 điểm so với tuần trước đó và hiện ở mức WS 200 – tương đương với khoảng 23.000 đô la Mỹ/ngày. Đối với chiều ngược lại, cước trên tuyến USG/Cont đang được ghi nhận quanh mức WS 270 và nhiều chủ tàu đang có xu hướng chạy ballast sang khu vực USG.

Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Nhìn chung, các giao dịch đi khu vực châu Á diễn ra khá trầm lắng trong tuần vừa qua do hội nghị APIC diễn ra tại Hàn Quốc. Bên cạnh đó, các giao dịch đi khu vực phía Nam như Đông Nam Á, WCI và Trung Đông cũng diễn ra hạn chế dẫn đến nhiều tàu cỡ 8-13.000 dwt đang nằm neo tại khu vực Viễn Đông. Các đơn hàng từ khu vực Hàn Quốc đi Trung Quốc cũng khá khan hiếm, với một số ít đơn hàng cỡ 3-5.000 tấn được ký kết quanh mức 28-33 đô la Mỹ/tấn. Đối với hàng dầu cọ đi Ấn Độ, các đơn hàng có xu hướng tăng nhẹ sau ba tuần diễn ra ảm đạm. Ghi nhận các đơn hàng 10-12.000 tấn đi ECI và 18.000 tấn đi WCI lần lượt dao động quanh mức 37-39 đô la Mỹ/tấn và 48-50 đô la Mỹ/tấn, (cước có thể cao hoặc thấp hơn một vài đô tùy thuộc vào cảng xếp và trả hàng).

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 22/2024			Giá thuê tàu định hạn tuần 21/2024		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	53,500	49,500	43,000	54,000	49,000	42,500
SUEZMAX	47,000	39,000	34,000	46,500	38,500	33,500
AFRAMAX	46,500	41,500	35,500	46,000	41,000	35,000
LR-2	48,000	41,500	34,500	47,500	41,000	34,000
LR-1	41,500	34,500	28,000	42,000	34,500	28,000
MR	34,000	27,500	24,000	33,500	27,000	24,000
HANDY	28,500	20,500	18,500	28,000	20,000	18,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	520		540		560	
2	India	520	▲ 20	540	▲ 20	560	▲ 20
3	Pakistan	500	▼ 10	520	▼ 10	530	▼ 20
4	Turkey	360		370		380	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*